

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI LẦN THỨ NĂM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;

Chúng tôi, các cổ đông **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**: nhất trí thông qua nội dung bản điều lệ Công ty (Sửa đổi) và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC, TÊN CÔNG TY, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

a/ - Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2014 và các qui định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

b/ - Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Tên giao dịch tiếng Anh:

TDT INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TDT

Trụ sở Công ty: Xóm Thuận Pháp - Diềm Thụy - Huyện Phú Bình - tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Fax: 02083 569 898

Email:

Website: www.tdtgroup.vn

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị Công ty quyết định thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

c/ - Phạm vi hoạt động:

- Công ty hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

a/ - Công ty hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng nhà các loại.	4100
	+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4290
2	+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
	+ Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (Trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
	+ Vận tải hành khách đường bộ khác.	4932
3	+ Sản xuất hàng may sẵn.	1322
	+ Sản xuất thảm, chăn, ga, gối, đệm.	1323
	+ Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
4	+ Bán buôn vải, hàng may sẵn, giấy dép.	4641
	+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4669
	+ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.	4620
	+ Bán buôn gạo.	4631
	+ Bán buôn thực phẩm.	4632
	+ Bán buôn đồ uống.	4633
	+ Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

	+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	4649
	+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
	+ Bán buôn chuyên doanh khác (<i>Bán buôn nguyên, phụ liệu hàng may mặc và giày, dép, mỹ phẩm, đồ lưu niệm</i>).	4659
5	+ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (<i>cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Máy móc thiết bị văn phòng kể cả máy vi tính, máy chiếu</i>).	7730
	+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng.	8291
	+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (<i>Dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa</i>).	8299
6	+ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà trọ, phòng trọ các cơ sở lưu trú tương tự).	5510
	+ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng, dịch vụ phục vụ đồ uống).	5610
	+ Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề may công nghiệp)	8532

b/- Khi cần thiết, Công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Đại hội cổ đông Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: MỤC TIÊU VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

a/ - Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, hoạt động nhằm mục tiêu tối đa hoá các khoản lợi nhuận; tăng lợi tức cho các Cổ đông, đóng góp cho Ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b/ - Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn trừ trường hợp Công ty giải thể hoặc các Cổ đông Công ty có quyết định khác.

ĐIỀU 4: CỔ ĐÔNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY

1/- Ông **Chu Thuyên**

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 31/12/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Số 8/306, Tổ 21, P. Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Số 8/ 306, Tổ 21, P. Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Số CMND: 090717906 do Công an Thái Nguyên cấp ngày: 25/10/2017

2/ - Ông **Nguyễn Việt Thắng** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/7/1975. Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 11, Phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 11, Phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Số CMND: 090717849 do Công an Thái Nguyên cấp ngày: 22/10/2004

3/ - Ông **Nguyễn Huy Hoàng** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1955 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 14, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ 14 Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên

Số CMND: 090022815 do Công an Thái Nguyên cấp ngày 01/8/2009

4/ - Ông **Đặng Quang Huy** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 2/11/1977 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ 20, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND số: 090665818 - Công An Thái Nguyên cấp ngày 16/02/2005

5/ - Ông **Phạm Thái Hòa** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/09/1982 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 19, Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ 19, Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND số: 090752537- Công An Thái Nguyên cấp ngày 18/10/2008

6/ - Ông **Đặng Đình Vụ** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/09/1961 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 07, Phường Trung Vương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ 07, phường Trung Vương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND số: 090449137 - Công An Thái Nguyên cấp ngày 22/05/2009

7/ - Ông Đỗ Ngọc Tuyên Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/12/1980 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 03, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ 03, phường Tân Lập, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

CMND số: 090833848- Công An Thái Nguyên cấp ngày 15/03/2007

8/- Các cổ đông khác của Công ty:

(Theo Sổ theo dõi cổ đông của Công ty)

ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ

a/ - Vốn điều lệ của Công ty: 80.150.400.000 đồng (Tám mươi tỷ, một trăm năm mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) tương đương: 8.015.040 cổ phần.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/cổ phần.

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.

- Số cổ phần đăng ký mua: 8.015.040 cổ phần.

- Số cổ phần đăng ký chào bán: Không có.

b/ - Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức cho các cổ đông.

c/ - Tỷ lệ vốn góp của các cổ đông của Công ty *(Theo Sổ theo dõi Cổ đông của Công ty)*.

d/ - Hội đồng quản trị được quyền quyết định việc vay vốn từ những nguồn khác nguồn vốn điều lệ. Số tiền vay lớn hơn vốn điều lệ phải được đại hội đồng cổ đông thông qua.

e/ - Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng tờ phiếu có chữ ký của người mua hoặc người uỷ quyền mua và của chủ tịch hội đồng quản trị.

f/ - Tiền mua cổ phần bằng ngoại tệ chuyên đổi tính theo tỷ giá hối đoái của ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm đóng cổ phần.

g/ - Phần đóng góp bằng hiện vật hoặc bản quyền sở hữu công nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận và định giá. Phần vốn này phải được nộp đủ ngay vào Công ty.

ĐIỀU 6: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

a/ - Đại hội đồng cổ đông công ty có quyền quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: tái đầu tư lợi nhuận Công ty, bổ sung vốn góp của các cổ đông, phát hành thêm cổ phiếu, gọi thêm các cổ đông mới.

b/ - Khi có nhu cầu, Đại hội cổ đông sẽ quyết định việc tăng vốn điều lệ Công ty bao gồm mức vốn, hình thức và biện pháp tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

c/ - Việc tăng vốn phải được cổ đông chiếm ít nhất 65% tổng vốn điều lệ nhất trí, thông qua.

d/ - Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

a/ - *Quyền của công ty:*

1.a/ - Tự chủ kinh doanh: chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2.a/ - Lựa chọn hình thức và phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3.a/ - Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.

4.a/ - Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

- 5.a/ - Tuyển dụng, thuê mướn và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- 6.a/ - Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- 7.a/ - Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- 8.a/ - Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
- 9.a/ - Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- 10.a/ - Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.
- 11.a/ - Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- 12.a/ - Các quyền khác do pháp luật quy định.

b/ - Nghĩa vụ của công ty:

- 1.b/ - Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- 2.b/ - Tổ chức công tác kế toán, lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;
- 3.b/ - Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật.
- 4.b/ - Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
- 5.b/ - Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
- 6.b/ - Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai

hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

7.b/ - Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

8.b/ - Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 8: CƠ CẤU QUẢN LÝ CÔNG TY, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

a/ - Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

b/ - Đại hội đồng cổ đông công ty là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

c/ - Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty do đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của công ty do đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

d/ - HĐQT Bổ nhiệm hoặc thuê Ban điều hành công ty gồm giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quan trọng khác do đại hội đồng cổ đông công ty quy định.

e/ - Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

ĐIỀU 9: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

a/ - Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

b/ - Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của luật doanh nghiệp.

c/ - Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở công ty hoặc tại một văn phòng luật sư, hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán tùy theo quyết

định của chủ tịch hội đồng quản trị. chủ tịch hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả thành viên biết nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty, văn phòng luật sư hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

d/ - Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

e/ - Khi có thay đổi nội dung trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến cổ đông nào, cổ đông đó có trách nhiệm thông báo cho chủ tịch hội đồng quản trị. chủ tịch hội đồng quản trị và người lưu giữ có trách nhiệm thay đổi nội dung cho phù hợp. mỗi lần thay đổi, chủ tịch hội đồng quản trị phải ký vào sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 10: HÌNH THỨC CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

a/ - Hình thức cổ phần:

1.a/ - Cổ phần phổ thông; người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông;

2.a/ - Cổ phần ưu đãi; người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

3.a/ - Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

- Cổ phần ưu đãi cổ tức;

- Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

- Cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty quy định.

4.a/ - Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

5.a/ - Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

b/ - Hình thức cổ phiếu:

1.b/ - Cổ phiếu chỉ là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của luật doanh nghiệp.

2.b/ - Công ty sẽ phát hành các cổ phiếu bao gồm cổ phiếu có ghi tên hoặc không ghi tên.

3.b/ - Cổ phiếu có ghi tên là cổ phiếu có ghi tên chủ sở hữu cổ phiếu. Cổ phiếu của cổ đông sáng lập, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát của công ty là cổ phiếu có ghi tên. Đại hội cổ đông công ty, hội đồng quản trị có thể quy định những cổ đông có những trách nhiệm nhất định với công ty phải sở hữu cổ phiếu có ghi tên hoặc phải chuyển cổ phiếu không ghi tên sang cổ phiếu có ghi tên.

4.b/ - Cổ phiếu không ghi tên là cổ phiếu không ghi tên chủ sở hữu cổ phiếu. Cổ phiếu không ghi tên có thể chuyển đổi thành cổ phiếu có ghi tên.

5.b/ Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông sở hữu ít nhất 20.000 cổ phần.

ĐIỀU 11: CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

a/ - Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b/ - Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc không trung thực, không chính xác, không đầy đủ;

c/ - Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:

1.c/ - Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty;

2.c/ - Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó;

3.c/ - Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. trong trường hợp này, cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của công ty. Khi số cổ phần đăng ký góp của cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

4.c/ - Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.c/ - Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông. trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

6.c/ - Trước thời hạn 03 năm cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông sáng lập khác được chấp thuận của hội đồng quản trị. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

ĐIỀU 12 : CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

a/ - Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

b/ - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

c/ - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

d/ - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỉ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

e/ - Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do điều lệ công ty quy định.

f/ - Cổ phần đã được bán hoặc cổ phần đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ thông tin về tên cổ đông, địa chỉ và số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của công ty;

g/ - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo các quy định của luật doanh nghiệp về chào bán và chuyển nhượng cổ phần.

h/ - Trong trường hợp pháp luật cho phép, cổ đông công ty có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

i/ - Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 điều 81 và khoản 5 điều 84 của luật Doanh nghiệp. việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

k/ - Điều kiện, phương thức, thủ tục và trình tự chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo qui định của pháp luật về chứng khoán.

ĐIỀU 13: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

a/ - Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty

mua lại cổ phần của mình. yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề trên.

b/ - Công ty phải mua lại cổ phần của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. trường hợp không thống nhất về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá. công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 14: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

a/ - Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

b/ - Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội cổ đông quyết định.

c/ - Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại khoản 14.d điều này. đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

d/ - Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương pháp bảo đảm đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua

e/ - Việc mua lại cổ phần của công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của công ty.

ĐIỀU 15: PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

a/ - Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

b/ - Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác:

1.b/ - Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

2.b/ - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

3.b/ - Việc phát hành trái phiếu các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm 1.b và 2.b điều này.

c/ - Cổ phần và các loại chứng khoán khác của công ty sẽ ghi bằng đồng việt nam và thanh toán bằng tiền việt nam, ngoại tệ, quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ hoặc tài sản khác do hội đồng quản trị công ty thoả thuận;

ĐIỀU 16: THỪA KẾ CỔ PHẦN

a/ - Khi một cổ đông trong công ty bị chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết, phần vốn góp trong công ty sẽ được thừa kế theo qui định của pháp luật. Nếu có nhiều thừa kế cùng hưởng chung phần vốn góp thì các đồng thừa kế phải cử ra một đại diện sở hữu duy nhất đứng ra giao dịch với công ty để nhận di sản thừa kế bằng thủ tục công chứng thư. Nếu không thống nhất được người đại diện thì hội đồng quản trị xem xét, quyết định, có quyền từ chối nếu không phù hợp với lợi ích của công ty. Trong trường hợp đó, phần vốn góp của cổ đông đó được công ty mua lại hoặc được chuyển nhượng cho người khác phù hợp với quy định tại điều 12 và điều 13, điều 14 của điều lệ này công ty sẽ không tham gia xử lý tranh chấp của những người được hưởng thừa kế.

b/ - Khi được quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

ĐIỀU 17: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

a/ - *Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:*

1.a/ - Tham dự và phát biểu trong các đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

2.a/ - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của đại hội cổ đông;

3.a/ - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

4.a/ - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của đại hội cổ đông.

5.a/ - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

6.a/ - Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp điều lệ công ty, sổ biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

7.a/ - Trong trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác.

b/ - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty có các quyền sau:

1.b/ - Đề cử người vào hội đồng quản trị và ban kiểm soát (nếu có);

2.b/ - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của ban kiểm soát.

3.b/ - Yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông; xem xét và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

4.b/ - Yêu cầu ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty nếu xét thấy cần thiết.

c/ - Tuân theo điều lệ công ty, giữ bí mật của công ty, không làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và lợi ích khác của công ty, không tiết lộ cho bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về hoạt động của công ty trừ trường hợp bắt buộc theo qui định của pháp luật hoặc khi được phép bằng văn bản của hội đồng quản trị.

ĐIỀU 18: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

a/ - Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;

b/ - Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. thành viên hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút trong trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp.

c/ - Chấp hành quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị;

d/ - Chịu trách nhiệm bồi thường do vi phạm điều lệ này gây ra cho công ty hoặc thành viên khác;

e/ - Bất kỳ một cổ đông nào trước khi tham gia công ty phải có văn bản cam kết như sau:

1.e/ - Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty;

2.e/ - Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung điều lệ này trước bất cứ cơ quan tài phán nào. Trong trường hợp chưa có văn bản cam kết mà vẫn tham gia công ty sẽ được coi như cổ đông đó đã tán thành điều lệ công ty và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung điều lệ trước bất cứ cơ quan tài phán nào.

f/ - Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi, thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

g/ - Cổ đông phải có e-mail để liên lạc với công ty. các tài liệu của công ty được coi là chuyển đến cổ đông nếu như công ty chuyển bằng e-mail. riêng giấy triệu tập đại hội cổ đông hoặc văn bản trung cầu ý kiến cổ đông để thông qua quyết định đại hội cổ đông sẽ được gửi bằng thư bảo đảm theo địa chỉ đã đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông hoặc giao trực tiếp bằng văn bản. cổ đông không có quyền khiếu nại rằng công ty đã chưa gửi tài liệu cho họ nếu như công ty đưa ra bằng chứng rằng họ đã gửi thư bảo đảm hoặc giao trực tiếp giấy triệu tập hoặc văn bản kèm theo thông báo đã gửi tài liệu qua e-mail của cổ đông.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 19: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ - Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

b/ - Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1.b/ - Thông qua định hướng phát triển của công ty;

2.b/ - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

3.b/ - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát;

4.b/ - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;

5.b/ - Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại điều lệ công ty;

6.b/ - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

7.b/ - Quyết định mua lại hơn 10 % tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.;

8.b/ - Xem xét và xử lý các vi phạm của hội đồng quản trị, ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

9.b/ - Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

c/ - Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất.

ĐIỀU 20: THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

a/ - Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm một lần và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ việt nam.

b/ - Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1.b/ - Báo cáo tài chính hằng năm;

2.b/ - Báo cáo của hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;

3.b/ - Báo cáo của ban kiểm soát về quản lý công ty của hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;

4.b/ - Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

5.b/ - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền;

c/ - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1.c/ - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2.c/ - Số thành viên hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

3.c/ - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc của ban kiểm soát trong trường hợp hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý.

d/ - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 3.c điều này. Trường hợp hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

e/ - Trường hợp hội đồng quản trị không triệu tập thì ban kiểm soát phải thay thế hội đồng quản trị triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo. Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

f/ - Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông thì cổ đông, nhóm cổ đông được quy định tại khoản b điều 17 điều lệ này có quyền thay thế hội đồng quản trị, ban kiểm soát triệu tập họp đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 21: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

b/ Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc, cuộc họp của đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

c/ - Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản b điều này thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc, trong trường hợp này, cuộc họp của đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

d/ - Chỉ có đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp.

ĐIỀU 22: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ - Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông nếu điều lệ công ty không quy định một thời hạn khác ngắn hơn

b/ - Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c/ - Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ - Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp

b/ - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản b điều 17 của điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c/ Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản b điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

1.c/ - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

2.c/ - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông;

3.c/ - Trường hợp khác theo quy định của điều lệ công ty.

4.c/ - Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản b điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy định tại khoản c điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 24: MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ - Người triệu tập đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc nếu điều lệ công ty không quy định thời hạn, thông báo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

b/ - Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu công ty có trang thông tin điện tử

thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo đến các cổ đông.

ĐIỀU 25: THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

a/ - Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

b/ - Trường hợp điều lệ công ty không quy định thì quyết định của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

1.b/ - Sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty;

2.b/ - Thông qua định hướng phát triển công ty;

3.b/ - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

4.b/ - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát;

5.b/ - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;

6.b/ - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

7.b/ - Tổ chức lại, giải thể công ty.

c/ - Quyết định của đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1.c/ - Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

2.c/ - Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3.c/ - Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng

quản trị hoặc ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3.d/ - Các quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định;

3.e/ Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

3.f/ - Tất cả các quyết định của đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị sẽ quyết định hình thức thông qua các quyết định của đại hội đồng cổ đông.

3.g/ - Quyết định của đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

ĐIỀU 26: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

a/ - Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp đại hội đồng cổ đông cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;

b/ - Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

1.b/ - Chủ tịch hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có

người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.b/ - Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập đại hội đồng cổ đông điều khiển đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

3.b/ - Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp đại hội đồng cổ đông;

4.b/ - Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

c/ - Chương trình và nội dung họp phải được đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

d/ - Chủ tọa và thư ký họp đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

e/ - Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng biểu quyết tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

f/ - Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. chủ tọa không được dùng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 27: YÊU CẦU HUỖ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành

viên hội đồng quản trị, giám đốc, ban kiểm soát có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a/ - Trình tự và thủ tục triệu tập họp đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

b/ - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc điều lệ công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 28: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

a/ - Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty do đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra, số thành viên hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông công ty quyết định.

b/ - Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

c/ - Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

1.c/ - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

2.c/ - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3.c/ - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

4.c/ - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư;

5.c/ - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc (nhỏ) lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại điều lệ công ty;

6.c/ - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty;

quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của người đó;

7.c/ - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

8.c/ - Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên đại hội đồng cổ đông;

9.c/ - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

10.c/ - Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

11.c/ - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

12.c/ - Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;

13.c/ - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty

14.c - Thành viên hội đồng quản trị có quyền yêu cầu giám đốc, phó giám đốc điều hành công ty, cán bộ quản lý các đơn vị khác trong công ty cung cấp các thông tin và tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

15.c/ - Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho công ty.

d/ - Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. mỗi thành viên hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

e/ - Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, trong trường hợp quyết định của hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật gây thiệt hại cho công ty thì

các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

ĐIỀU 29: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a/ - Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ hội đồng quản trị để bầu chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp hội đồng quản trị

b/ - Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

c/ - Cuộc họp định kỳ của hội đồng quản trị do chủ tịch triệu tập bất kỳ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

d/ - Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

1.d/ - Có đề nghị của ban kiểm soát;

2.d/ - Có đề nghị của giám đốc công ty hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

3.d/ - Có đề nghị của ít nhất hai thành viên hội đồng quản trị;

e/ - Chủ tịch phải triệu tập họp hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 29.4 điều này. trường hợp không triệu tập họp hội đồng quản trị theo đề nghị thì chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng quản trị

f/ - Cuộc họp hội đồng quản trị được tiến hành khi có ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. quyết định của hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch hội đồng quản trị.

g/ - Cuộc họp hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp hội đồng quản trị. biên bản họp hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

h/ - Ứng cử viên vào hội đồng quản trị phải là cổ đông công ty hoặc được một cổ đông uỷ quyền và được một nhóm cổ đông đại diện ít nhất 10% vốn điều lệ công ty giới thiệu. mỗi cổ đông chỉ được phép giới thiệu một ứng cử viên. đại hội đồng cổ đông bầu thành viên hội đồng quản trị theo nguyên tắc như sau: mỗi cổ đông tham dự đại hội đồng chỉ được phép lựa chọn một ứng cử viên và những ứng cử viên đạt phiếu cao nhất sẽ trúng cử vào hội đồng quản trị. trường hợp cần thiết, đại hội đồng có thể tiến hành thêm cuộc bỏ phiếu để xác định xong thành phần hội đồng quản trị.

i/ - Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị. thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.

ĐIỀU 30: NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a/ - Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b/ - Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc

c/ - Hội đồng quản trị có không ít hơn ba thành viên và không quá mười một thành viên. số thành viên hội đồng quản trị phải thường trú ở việt nam do điều lệ công ty quy định.

d/ - Trường hợp số thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại điều lệ công ty, thì hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị.

1.d/ - Trường hợp vốn điều lệ công ty từ 20 tỷ đồng trở xuống, Hội đồng quản trị công ty có 3 hoặc 5 thành viên.

2.d/ - Trường hợp vốn điều lệ công ty từ trên 20 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, Hội đồng quản trị công ty có 5 hoặc 7 thành viên.

3.d/ - Trường hợp vốn điều lệ công ty từ trên 50 tỷ đồng đến 150 tỷ đồng, Hội đồng quản trị công ty có 7 hoặc 9 thành viên.

4.d/ - Trường hợp vốn Điều lệ công ty trên 150 tỷ đồng, Hội đồng quản trị công ty có 9 hoặc 11 thành viên.

5.d/ - Cho đến khi Đại hội cổ đông đầu tiên được triệu tập sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ba cổ đông sáng lập công ty sẽ giữ vai trò của hội đồng quản trị. ba cổ đông này sẽ cử ra một người tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty cho đến khi công ty bầu ra được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc mới.

ĐIỀU 31: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a/ - Trong thời gian nhiệm kỳ của hội đồng quản trị, đại hội đồng cổ đông có thể xem xét bãi miễn một thành viên hội đồng quản trị nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 30% vốn điều lệ yêu cầu. thành viên hội đồng quản trị sẽ bị bãi miễn nếu có nhóm cổ đông đại diện ít nhất 60% vốn điều lệ yêu cầu. đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung khi khuyết một thành viên hội đồng quản trị.

b/- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:

1.b/ - Thành viên hội đồng quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên trong trường hợp bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự và thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp;

2.b/- Thành viên hội đồng quản trị bị miễn nhiệm nếu không được phép đảm nhiệm chức vụ theo qui định bắt buộc của pháp luật hoặc khi họ từ chức;

3.b/- Không tham gia các hoạt động của hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ những trường hợp bất khả kháng;

4.b/- Thành viên hội đồng quản trị bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng điều lệ công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của công ty. trong trường hợp này thành viên hội đồng quản trị bị bãi nhiệm chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường cho công ty toàn bộ thiệt hại.

5.b/- Ngoài các trường hợp quy định như trên, thành viên hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

6.b/- Trường hợp số thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại điều lệ công ty thì hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 32: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a/ - Hội đồng quản trị bầu chủ tịch hội đồng quản trị theo quy định tại điều lệ Công ty, trường hợp hội đồng quản trị bầu chủ tịch hội đồng quản trị thì chủ tịch được bầu trong số thành viên hội đồng quản trị và Chủ tịch hội đồng quản trị có thể kiêm chức danh Giám đốc hoặc Tổng giám đốc theo mô hình tổ chức của Công ty

b/ - Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1.b/ - Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty. Thực hiện các giao dịch: hợp đồng tín dụng, cho vay, bảo lãnh, thế chấp, và các hợp đồng kinh tế khác

2.b/ - Thay mặt HĐQT ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ liên quan đến tổ chức quản trị và hoạt động kinh doanh của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát. Ban hành các văn bản dưới hình thức phù hợp để ủy quyền cho Giám đốc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do HĐQT giao.

3.b/ - Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, vi phạm nghị quyết và các quy định khác của HĐQT, hoặc các trường hợp khác HĐQT

xét thấy cần đình chỉ vì lợi ích công ty

4.b/ - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị;

5.b/ - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp hội đồng quản trị;

6.b/ - Tổ chức việc thông qua quyết định của hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

7.b/ - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị;

8.b/ - Chủ tọa các cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

c/ - Chủ tịch hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp hội đồng quản trị:

1.c/ - Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;

2.c/ - Theo đề nghị của ban kiểm soát.

d/ - Trường hợp chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được chủ tịch hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng quản trị. trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc chủ tịch hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức chủ tịch hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

e/ Trường hợp hội đồng quản trị có từ 5 thành viên trở lên, chủ tịch hội đồng quản trị sẽ phải bổ nhiệm một thành viên hội đồng quản trị khác làm phó chủ tịch hội đồng quản trị. phó chủ tịch hội đồng quản trị sẽ thay mặt chủ tịch hội đồng quản trị khi chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt.

ĐIỀU 33: CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

a/ - Các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo qui định sau:

1.a/ - Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2.a/ - Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty thì phải được hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

b/ - Trường hợp các hợp đồng qui định tại khoản a điều 33 trên được ký mà chưa được đại hội đồng cổ đông hoặc hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho công ty sẽ phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản nợ thu được từ việc thực hiện hợp đồng đó.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 34: BAN KIỂM SOÁT

a/ - Ban Kiểm soát công ty có ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm kỳ như nhiệm kỳ của hội đồng quản trị, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về Kế toán hoặc Kiểm toán.

b/ - Các thành viên ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải là cổ đông công ty. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 35: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a/ - Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

b/ - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác;

c/ - Thành viên ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

ĐIỀU 36: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

a/ - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

b/ - Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông;

c/ - Thường xuyên thông báo với hội đồng quản trị về kết quả hoạt động tham khảo ý kiến của hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông;

d/ - Báo cáo đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

e/ - Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

f/ - Không được tiết lộ bí mật của công ty.

g/ - Trường hợp có dưới 12 cổ đông, công ty có thể không thành lập ban kiểm soát mà cử một người khác làm nhiệm vụ kiểm soát.

h/ - Chi phí cho hoạt động của ban kiểm soát bao gồm thù lao thành viên ban kiểm soát, công tác phí, các chi phí khác liên quan sẽ do Đại hội cổ đông quyết định hàng năm, trường hợp đặc biệt ban kiểm soát cho rằng cần có trung cầu của kiểm toán hoặc các chuyên gia tài chính khác, ban kiểm soát có quyền yêu cầu đại hội cổ đông cho phép ban kiểm soát thuê và thanh toán cho các chuyên gia đó.

CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị cử ra hoặc thuê ban điều hành để quản lý công ty gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và các chức vụ quan trọng khác trong công ty, bao gồm cả trưởng các phòng ban và một số chức danh khác theo đề nghị của giám đốc và được hội đồng quản trị công ty chấp thuận để giúp cho ban điều hành trong một số công việc hoặc bộ phận.

Nhiệm kỳ của ban điều hành cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 37: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

a/ - Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Giám đốc công ty, nhiệm kỳ của Giám đốc công ty theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b/ - Giám đốc đứng đầu ban giám đốc công ty, là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu sự giám sát của hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

c/ - Giám đốc công ty có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1.c/ - Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

2.c/ - Tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị;

3.c/ - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

4.c/ - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

5.c/ - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty từ phó phòng nghiệp vụ trở xuống.

6.c - Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của giám đốc;

7.c - Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

8.c - Tuyển dụng lao động;

ĐIỀU 38: PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

a/- Giám đốc công ty có thể đề cử Phó giám đốc và phải được Hội đồng quản trị nhất trí. Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc công ty. Trường hợp vi phạm pháp luật, điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó giám đốc có thể bị hội đồng quản trị bãi chức trước thời hạn.

b/- Phó giám đốc công ty có quyền điều hành những hoạt động kinh doanh thuộc trách nhiệm của mình hoặc những hoạt động được Giám đốc uỷ quyền.

c/- Phó giám đốc có quyền đại diện cho công ty trước cơ quan Nhà nước và tài phán khi được uỷ quyền. Phó giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của của mình trước Giám đốc công ty và hội đồng quản trị công ty.

ĐIỀU 39: KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY

a/ - Kế toán trưởng và phải được HĐQT tuyển dụng và bổ nhiệm là người có trình độ, chuyên môn về kế toán.

c/ - Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động tài chính kế toán của công ty trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật, là người giúp việc cho Giám đốc trong phạm vi hoạt động tài chính kế toán của công ty.

d/ - Kế toán trưởng chịu trách nhiệm giao dịch với các cơ quan thuế, ngân hàng về các hoạt động tài chính của công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của hội đồng quản trị.

e/ - Kế toán trưởng được hưởng lương theo quyết định của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Giám đốc công ty về các hoạt động của mình.

ĐIỀU 40: UỶ QUYỀN

a/- Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền có toàn quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông trong quan hệ với công ty và các cổ đông khác. trường hợp người được uỷ quyền thực hiện vượt quá phạm vi được uỷ quyền phải chịu trách nhiệm trước trước pháp luật về việc mình làm.

b/ - Việc uỷ quyền phải lập thành văn bản có xác nhận của chủ tịch hội đồng quản trị công ty hoặc của công chứng nhà nước hoặc của cơ quan có thẩm quyền. bất cứ lúc nào cổ đông cũng có thể thay thế hoặc chấm dứt việc đại diện theo uỷ quyền.

c/ - Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo nội dung và phạm vi được uỷ quyền.

CHƯƠNG VI: LAO ĐỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

ĐIỀU 41: LAO ĐỘNG

a/ - Hội đồng quản trị công ty đề ra quy chế chung về nhân công, ấn định mức tối đa tổng số nhân viên và quỹ lương của công ty. Ban giám đốc công ty có quyền thuê lao động theo nhu cầu của công ty trên cơ sở định mức đó, riêng đối với các chức vụ quan trọng của công ty như kế toán trưởng và một số các chức vụ khác như các trưởng phòng ..v.v.. do Hội đồng quản trị công ty quy định, giám đốc phải thông qua hội đồng quản trị công ty trước khi bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng.

b/ - Ban điều hành công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của công ty. ban điều hành có quyền đề ra nội quy công ty và yêu cầu các nhân viên công ty phải tuân theo nội quy này. nội quy công ty phải được sự phê chuẩn của hội đồng quản trị công ty trước khi ban hành.

c/ - Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần (tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).

d/ - Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của công ty nhưng phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn đề ra.

e/ - Trong trường hợp người được thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ tiêu chuẩn quy định mới được thay thế.

ĐIỀU 42: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

a/ - Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b/ - Trong trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

1.b/ - Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2.b/ - Thành viên hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3.b/ - Giám đốc được trả lương và thưởng, tiền lương của Giám đốc do hội đồng quản trị quyết định.

4.b/ - Thù lao của thành viên hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

c/ - Công khai các lợi ích liên quan:

1.c/ - Thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

2.c/ - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

3.c/ - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có

liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

4.c/ - Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

5.c/ - Việc kê khai quy định tại khoản 1c điều này phải được thông báo cho đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

6.c/ - Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước hội đồng quản trị, ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VII: TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ TRẢ CỔ TỨC

ĐIỀU 43: THẺ LỆ QUYẾT TOÁN, LẬP QUỸ

a/ - Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. riêng chi phí thành lập công ty và các chi phí liên quan đến thành lập công ty sẽ được tính vào năm quyết toán đầu tiên.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

b/ - Các quỹ công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế, việc lập quỹ của công ty thực hiện theo quyết định đại hội cổ đông. hàng năm, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: 5%
- Quỹ phúc lợi tập thể: 5%
- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 10%
- Quỹ khen thưởng: 5%

ĐIỀU 44: TRẢ CỔ TỨC

a/ - Sau khi quyết toán, Đại hội đồng công ty quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp, công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động công ty.

b/ - Công ty trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt, tài sản có giá trị khác hoặc chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) của công ty.

c/ - Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

d/ - Trường hợp mua lại cổ phần hay chia cổ tức làm cho tổng giá trị tài sản của công ty thấp hơn nợ của công ty hay công ty không có khả năng thanh toán các khoản

nợ đến hạn thì tất cả các cổ đông có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận.

ĐIỀU 45: TÀI SẢN CÔNG TY, THAY THẾ CỔ ĐÔNG, GÓP VỐN LIÊN DOANH, THẾ CHẤP VÀ BÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÔNG TY

a/ - Trong trường hợp một cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động, những người thừa kế (đối với thể nhân) hoặc những người, hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) của cổ đông này phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của cổ đông quá cố. người đại diện này được công ty coi là là người sở hữu những cổ phần của cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác trong công ty.

b/ - Việc thế chấp hoặc bán tài sản cố định có trị giá bằng từ 50% vốn điều lệ của công ty trở lên hay dùng vốn công ty để liên doanh, mua cổ phần doanh nghiệp khác phải được thông qua tại đại hội đồng cổ đông công ty.

c/ - Tài sản của công ty phải được sử dụng phù hợp với mục tiêu hoạt động của công ty và chức năng của từng loại tài sản.

d/ - Các cổ đông không có quyền sở hữu riêng đối với các tài sản của công ty, kể cả những tài sản họ đã góp vốn vào vốn điều lệ.

e/ - Hệ thống tài khoản của công ty mở tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác do giám đốc và kế toán trưởng cùng trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý. chủ tịch hội đồng quản trị sẽ quyết định mở hoặc đóng tài khoản, chuẩn y những người được phép ký tên chủ tài khoản theo đề nghị của giám đốc.

ĐIỀU 46: GIẢI THỂ CÔNG TY

a/ - Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau:

1.a/ - Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ mà không có quyết định gia hạn.

2.a/ - Theo quyết định của đại hội đồng cổ đông công ty.

3.a/ - Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4.a/ - Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu (03 cổ đông) trong thời hạn 06 tháng liên tục.

b/ - Việc giải thể công ty tiến hành đồng thời với việc giải thể các chi nhánh và văn phòng đại diện của nó.

c/ - Đại hội đồng cổ đông công ty lập ra ban thanh lý tài sản công ty. Ban này hoạt động theo quy định của đại hội đồng cổ đông công ty.

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội mà công ty còn nợ người lao động.

- Trang trải các khoản nợ nhà nước theo chế độ hiện hành.

- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty có thể chấp.

- Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty không có thể chấp.

- Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần.

f/ - Thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của điều 158 luật doanh nghiệp 2005.

ĐIỀU 47: PHÁ SẢN CÔNG TY

a/ - Khi công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại một thời điểm tổng số trị giá các tài sản còn lại của công ty không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn thì công ty lâm vào tình trạng phá sản.

b/ - Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà doanh nghiệp vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Giám đốc phải thông báo cho chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị nộp đơn đến tòa án nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản của doanh nghiệp. Khi đó, Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình. Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo qui định của luật phá sản. trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

ĐIỀU 48: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG CÔNG TY

a/ - Mọi tranh chấp liên quan đến hoạt động của công ty giữa các cổ đông công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng hoà giải giữa các bên tranh chấp. trường hợp không thương lượng, hoà giải được thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra ban hoà giải.

b/ - Ban hoà giải gồm 03 chuyên gia pháp lý không phải là cổ đông công ty hoặc người thân thuộc của bất cứ cổ đông công ty nào có liên quan đến tranh chấp đó.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty (không tham gia tranh chấp) cử ra các thành viên ban hoà giải sau khi họ đồng ý bằng văn bản.

Trong vòng 15 ngày, kể từ khi nhận nhiệm vụ, ban hoà giải phải đưa ra phán quyết về vụ việc tranh chấp, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 01 tháng.

Thù lao thành viên ban hoà giải do công ty đài thọ 30% và các bên tranh chấp đài thọ theo nguyên tắc phân chia đều nhau phần còn lại.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để ban hoà giải làm việc.

c/ - Phán quyết của ban hoà giải có hiệu lực bắt buộc với các bên tranh chấp. việc xem xét lại hoặc công nhận phán quyết của ban hoà giải tại toà án trong mọi trường hợp đều do bên không tuân theo phán quyết ban hoà giải chịu án phí.

d/ - Tranh chấp giữa cổ đông công ty và người chưa phải cổ đông hoặc đã thôi tư cách cổ đông công ty trong việc mua bán cổ phiếu, cổ phần của công ty cũng sẽ được ban hoà giải giải quyết nếu người không phải cổ đông công ty đồng ý triệu tập ban hoà giải. các điều khoản trên cũng được áp dụng tương tự trong trường hợp này.

c/ - Tranh chấp giữa cổ đông trong công ty và công ty nếu không hoà giải được sẽ được đem ra trung tâm trọng tài quốc tế bên cạnh phòng thương mại và công nghiệp việt nam để giải quyết, trừ khi điều lệ công ty và pháp luật quy định khác. nếu cổ đông tranh chấp là chủ tịch hội đồng quản trị Công ty thì cổ đông đó phải từ chức chủ tịch hội đồng quản trị công ty (nhưng không phải từ chức thành viên hội đồng quản trị công ty).

ĐIỀU 49: QUY ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG CON DẤU CỦA CÔNG TY

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a) Tên Công ty
 - b) Mã số Công ty
2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.
5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 50: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

a/ - Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ chỉ thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông Công ty.

b/ - Điều lệ này được lập thành 8 chương, 50 điều, được toàn thể các cổ đông thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Huyền

